TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH BẮCG **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HSST

Ngày 13-12- 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - TỈNH BẮCG

Tnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Cương, nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu.

Ông Trần Hải Đăng, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh BắcG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh BắcG tham gia phiên toà: Ông Vi Văn Cảnh, kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyên Yên Thế, tỉnh BắcG, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/TLST – HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Mạc V H; Sinh năm 1994 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn C C, xã Đ L, huyện Y T, tỉnh BắcG;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ mộc; con ông: Mạc Văn Th; Sinh năm 1962; và bà Kiều T H; Sinh năm 1971; vợ: Vi Thị G, sinh năm 1998; bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 9 năm 2017, tạm giam ngày 09 tháng 9 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BắcG.

2. Mạc T Q; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1999 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ K, xã Đ S, huyện Y T, tỉnh BắcG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông : Mạc V D; Sinh năm 1974; và bà: Diêm T T; Sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Người đại diện cho bị cáo Q: Diêm T T; Sinh năm 1981 (Có mặt)

Người bị hại:

Lư Thị T, sinh năm: 1973; Tên gọi khác: Lư Thị c (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Bản K Đ,. xã C N, huyện Y T, tỉnh BắcG.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Triệu Văn N, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Bản K Đ,. xã C N, huyện Y T, tỉnh BắcG.

2. Vi Thị G, sinh năm: 1990 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn C C, xã Đ L, huyện Y T, tỉnh BắcG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, Mạc T Q, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1999 ở Thôn Đ K, xã Đ S, huyện Y T đến nhà Mạc V H, sinh năm 1994 ở Thôn C C, xã Đ L, huyện Y T, tỉnh BắcG chơi và ngủ lại nhà H. Khoảng 7 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2017, H rủ Q đi lên khu vực Thác Ngà thuộc xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh BắcG chơi thì Q đồng ý. H có nói với Q về việc H đang bí tiền nhưng vẫn có tiền đi chơi thì Q không nói gì. Sau đó H tháo biển kiểm soát xe mô tô 98C1 - 098.19 ra rồi điều khiển xe mô tô chở Q đi từ nhà H lên đến khu vực chợ xã Xuân Lương, huyện Yên Thế. Q thấy trời nắng nên rủ H quay về thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô chở Q quay lại về hướng đi thị trấn Cầu Gồ. Khi về đến đoạn đường thuộc bản Trại Lốt, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế thì H phát hiện chị Lư Thị T, sinh năm 1973 ở Bản K Đ,. xã C N, huyện Y T điều khiển xe mô tô đi một mình cùng chiều phía trước. Chị T đeo 01 túi xách bên vai trái. Thấy vậy, H bảo Q *"bà kia đeo túi xách một bên giật được đấy"* thì Q bảo *"thôi, em sợ lắm"*. H lại bảo với Q *"sợ gì"* thì Q đồng ý là sẽ cướp giật chiếc túi xách và bảo *"vâng"*. H tiếp tục bảo Q là *"anh đi xe nhanh qua, mày chỉ cần cầm vào dây kéo theo nó khác tự tuột"*. *H* điều khiển xe bám theo sau xe chị T để chờ đến đoạn đường vắng sẽ cướp giật túi xách. Khi đến đoạn đường thuộc bản Rừng Dài, xã Tam Tiến, lúc này H tăng ga xe, khi xe đến vị trí bên trái song song với chị T và cách xe chị T khoảng 50cm. Lúc này, Q dùng tay phải túm vào quai túi xách của chị T đang đeo thì giật được túi xách. Q để túi xách trên yên xe giữa vị trí H và Quyền ngồi. H biết Q giật được túi nên tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng thị trấn Cầu Gồ. Chị T bị cướp giật túi xách đã tri hô và đuổi theo đến khu vực đường thuộc thôn Đền Cô, xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế thì bị ngã xe. H chở Q đến khu vực thôn Hồng Lạc, xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế thì dừng xe lại. Q mở túi xách cướp giật được ra kiểm tra thấy bên trong có 01 điện thoại di động Masstel Model A119 vỏ màu đen, 01 hộp kem mỹ phẩm, 01 ví da bên trong ví 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và có 03 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lư Thị T, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Triệu Văn N. H tiếp tục điều khiển xe chở Q đến đoạn đường thuộc thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế thì Q lấy hộp kem mỹ phẩm ra vứt

xuống rìa đường. Khi đến khu vực cổng Nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Thịnh, huyện LạngG thì dừng lại. Tại đây, Q đưa túi xách cướp giật được cho H, H đưa ví của H cho Q và bảo Q lấy tiền ở trong ví cướp giật được cho vào ví của H, còn H mở túi xách ra lấy chiếc điện thoại di động cho vào túi quần. H dùng bật lửa mang theo đốt giấy Chứng minh nhân dân, giấy Đăng ký xe mô tô, chiếc túi xách, ví nhưng chỉ cháy Chứng minh nhân dân và giấy Đăng ký xe mô tô nên H đã vứt túi xách và ví vào bụi cây cách đó khoảng 1m rồi chở Q về nhà H. Tại nhà H, H cho Q 250.000 đồng trong số tiền cướp giật được. H và Q đã chi tiêu cá nhân hết. H cất chiếc điện thoại di động cướp giật được vào ngăn bàn trang điểm của gia đình.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, Mạc V H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế bắt khẩn cấp. Triệu tập Mạc T Q, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi Cướp giật túi xách của chị Lư Thị T cùng H vào ngày 12 tháng 8 năm 2017. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại ngăn kéo bàn trang điểm của gia đình H chiếc điện thoại di động Masstel A119; thu giữ 01 túi xách, 01 ví giả da tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Thịnh, huyện LạngG; thu giữ 01 lọ mỹ phẩm tại khu vực bờ ruộng thuộc thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế. Thu giữ 01 áo bò dài tay của chị T, 01 áo sơ mi dài tay của Mạc T Q, 01 áo phông cộc tay của Mạc V H, tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98C1-098.18.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/KL ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: 01 điện thoại di động Masstel A119, vỏ mầu đen có giá 100.000 đồng; 01 túi xách giả da mầu hồng có dây đeo, khóa kéo, kích thước (24x14)cm có giá 20.000 đồng; 01 ví giả da mầu đỏ kích thước (19x9,5)cm, miệng ví được ốp kim loại có khóa chốt ở giữa đã bị hư hỏng có giá 15.000 đồng; 01 lọ mỹ phẩm hình trụ tròn mầu hồng, đường kính 4,8cm, cao 3,8cm ghi nhãn hiệu SH Today, kem dưỡng trắng da chống nắng SPF30 có giá 45.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 80/KL ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: Chi phí cấp đổi 01 giấy Chứng minh nhân dân là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chi phí cấp lại 01 giấy đăng ký xe mô tô là 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 50/QĐ - KSĐT ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố Mạc V H và Mạc T Q về tội "cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế thực hành quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mạc V H, Mạc T Q phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; Điều 20, Điều 33, Điều 45, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Mạc V H từ 03

(Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; Điều 20, Điều 45, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 60, Điều 71, Điều 74 Bộ luật hình sự; Xử phạt Mạc T Q từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (Ba) đến 04 (Bốn) năm, giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh BắcG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà, qua xét hỏi, bị cáo Mạc V H, Mạc T Q đều cùng thừa nhận hành vi cướp giật tài sản của chị Lư Thị T vào ngày 12 tháng 8 năm 2017 như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Mạc V H, Mạc T Q phạm tội "Cướp giật tài sản", với tình tiết "dùng thủ đoạn nguy hiểm", tội danh và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 50/ QĐ - KSĐT ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố Mạc V H và Mạc T Q về tội "cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, chính vì vậy tại phiên toà hôm nay, cần lên một bản án tương xứng với vai trò, hành vi của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[2] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Mạc V H là người có vai trò chính. Bản thân bị cáo H là người chủ động khởi sướng việc cướp giật tài sản của chị T, khi bị cáo Q sợ không giám thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì bị cáo H nói "sợ gì" nhằm mục đích khích lệ bị cáo Q thực hiện hành vi theo sự súi giục của bị cáo, sau khi chiếm đoạt được tài sản của chị T, bản thân bị cáo H là người chủ động giữ tài sản và chia số tiền chiếm đoạt được cho bị cáo Q. Bị cáo Q là người có vai trò sau bị cáo H, bị cáo Q là người dưới 18 tuổi, ban đầu

bị cáo Q không có ý định phạm tội, nhưng do bị cáo H súi giục nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội, bị cáo Q giao toàn bộ tài sản chiếm đoạt được cho bị cáo H mà không yêu cầu ăn chia.

[3] Xét về nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội các bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H xúi giục bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho chị T, chị T đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly xã hội đối với các bị cáo H để giáo dục các bị cáo trở Tnh người tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo Q là người dưới 18 tuổi, N thời phạm tội do bị xúi giục nên không cần thiết cách ly xã hội đối với bị cáo mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo giục bị cáo trở Tnh người tốt, có ích cho xã hội. Các bị cáo là những người không có tài sản riêng nên ngoài hình phạt chính, không cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Chị Vi Thị G đã tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đồng và nộp lại số tiền 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng) đồng là số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt của chị T, bị cáo Q đã bồi thường cho chị T số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) và đã giao nộp số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị T và anh N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

[7]Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại chị Lư Thị T 01 điện thoại di động Masstel A119, 01 áo bò dài tay, việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật hình sự.

Các vật chứng khác gồm có: 01 túi xách, 01 ví giả da, 01 lọ mỹ phẩm, 01 áo sơ mi dài tay của Mạc T Q, 01 áo phông cộc tay của Mạc V H, những tài sản này không có giá trị sử dụng, chị T và các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. 01 xe mô tô biển kiểm soát 98C1-098.18 là tài sản của chị Vi Thị G,

chịG không biết việc H và Q sử dụng để đi cướp giật tài sản nên trả lại cho chịG. Số tiền 530.000đ (Năm trăm ba mươi nghìn đồng) là tài sản của chị T nên trả lại cho chị T.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Mạc V H, Mạc T Q phạm tội "Cướp giật tài sản";

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136, Điều 20, điều 33, điều 45, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Mạc V H 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2017.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136, Điều 20, điều 45, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 60, Điều 71, Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Mạc T Q 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo Mạc T Q cho Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh BắcG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1, điểm b, điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 76; Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách giả da mầu hồng có dây đeo, khóa kéo; 01 ví giả da mầu đỏ, 01 lọ mỹ phẩm hình trụ tròn mầu hồng nhãn hiệu "SH Today, kem dưỡng trắng da chống nắng SPF30"; 01 áo sơ mi dài tay màu đỏ thẫm Size L, nhãn hiệu ZARA; 01 áo phông cộc tay màu cam trên áo có ghi chữ Li – NING màu trắng trước ngực, mác áo ở cổ có chữ CHEER TAR.

- Trả lại chị Lư Thị T 530.000đ (Năm trăm ba mươi nghìn đồng);

Trả lại chị Vi Thị G 01 xe mô tô biển kiểm soát 98C1-098.18.

Bị cáo Mạc V H, Mạc T Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng tiền) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh BắcG;
- VKSND tỉnh BắcG;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế ;
- Công an huyện Yên Thế;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮCG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Yên Thế, ngày..... tháng ..... năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ -TỈNH BẮCG

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn;

2.Ông Đỗ Ngọc Thắng;

Căn cứ vào điều 199 và điều 222- Bội luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 23/5/2017 tại phòng nghị án hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Mạc T Q.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà, hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Thế, Nguyễn Văn Miền phạm tội " Cướp tài sản".

*** Kết quả biểu quyết 3/3.**

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điển d khoản 2 điều 133, Điều 20, Điều điều 33, điều 45, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự; điều 76, Điều 79, điều 80, điều 88, điều 99 , Điều 231, 234, 228, Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 2 điều 305; khoản 1 điều 604, khoản 1 khoản 2 điều 606, điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Kết quả biểu quyết 3/3.

3.Về hình phạt:

- Xử phạt: Nguyễn Trọng Thế 07 (Bẩy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạnh tù tính từ ngày 22/12/2016.

- Xử phạt: Nguyễn Văn Miền 07 (Bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2016.

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Trọng Thế 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án; quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Miền 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

*** Kết quả biểu quyết 3/3.**

4. Các vấn đề khác:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ; 01 ống sắt, 01 đôi dép lê có đế màu vàng, quai dép màu xanh.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Tình 1.700.000đ (Một triệu bẩy trăm nghìn đồng).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Miền 730.000đ (Bẩy trăm ba mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, Model 1133, số IMEI 1: 355135074385241 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Trọng Thế, Nguyễn Văn Miền mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Kết quả biểu quyết 3/3.**

Việc nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày đã thông qua, Hội đồng xét xử N trí ký tên./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**